TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:72/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28/10/2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huê.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Vỵ.
2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Linh - Thư ký Toà án nhân dân THÀNH PHỐ H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân THÀNH PHỐ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 114/2022/TLST- HNGĐ ngày 09/03/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 09 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Châu Thị Thu H, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: 04 T, Tổ A, Khu vực A, phường D, THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Địa chỉ liên lạc: 19/4C, phường L, THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1974.
Địa chỉ: 04 T, Tổ A, Khu vực A, phường D, THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23/11/2021 và các lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Châu Thị Thu H trình bày: Chị H và anh T tìm hiểu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được 2 năm và được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường D, THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 09/8/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà bố mẹ của anh T. Quá trình chung sống vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, mỗi người có một cách sống riêng, nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên Chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống sinh được một con chung tên là Nguyễn Văn Anh K, sinh ngày 12/08/2013. Nay ly hôn Chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu K đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H công nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T cố tình vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập lần thứ hai cho anh T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ H có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Về phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2015.

*** Về quan điểm giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 144 ; Điều 147, Điều 205, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81 ; Điều 82 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H; xử cho chị Châu Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Hiện nay Chị H, anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Văn Anh K, sinh ngày 12/08/2013. Hiện cháu K đang ở với Chị H. Giao cháu Nguyễn Văn Anh K, sinh ngày 12/08/2013 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi),

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị H công nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị H công nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Đề nghị Tòa án tuyên buộc chị Châu Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Về nội dung: Chị Châu Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T tìm hiểu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, không tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục địa phương nhưng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường D THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 09/8/2012. Như vậy, hôn nhân giữa chị Châu Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng và ngày càng trầm trọng nên hai người đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống và luôn xảy ra cải nhau, sống với nhau không có hạnh phúc Chị H có đơn yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, chị Châu Thị Thu H vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, vì thực tế tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng.

Về phía bị đơn là anh Nguyễn Văn T, tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt, coi như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trước phiên tòa.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Châu Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Châu Thị Thu H tại phiên tòa là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung và việc nuôi con: Chị H công nhận vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Văn Anh K, sinh ngày 12/08/2013. Hiện cháu K đang ở với Chị H.

Chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay Chị H có việc làm, thu nhập ổn định mỗi tháng 5.000.000đồng, phía gia đình Chị H cũng tạo điều kiện giúp đỡ chị về kinh tế cũng như chỗ ở để Chị H ổn định đảm bảo nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Nguyễn Văn Anh K, sinh ngày 12/08/2013cho chị Châu Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, nên cần chấp nhận .

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H công nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn: Chị Châu Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000

đồng tại biên lai thu số 0001009 ngày 09/3/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ H.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 144 ; Điều 147, Điều 205, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227 ; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81 ; Điều 82 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thị Thu H.

Xử: Chị Châu Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Nguyễn Văn Anh K, sinh ngày 12/08/2013 cho chị Châu Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Châu Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con, nên anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Chị H công nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn: Chị Châu Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng , căn cứ tại biên lai thu số 0001009 ngày 09/3/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ H.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niên yết theo quy định của pháp luật.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
+ TAND Tỉnh TT Huế

+ VKSND Tp H
+ Chi cục THA DS
+ UBND phường D, Tp H ;
(Số : 184 ; Quyển số 01/2009)
+ Nguyên đơn, bị đơn
+ Lưu hồ sơ, lưu dán

Trần Thị Huê